

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **46/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 30/11/2019

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đinh Thị Hải**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Văn Khách

Bà Trần Thị Thanh Miên

-Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tâm** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Giáp** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 316/2019/TLST - HNGĐ ngày 30/9/219 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 30/10/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14/10/2019.

*** Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Thu N, sinh năm 1997 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Phú Tín, xã P, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước

*** Bị đơn:** Ông Lê Văn N, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Phú Bình, xã P, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị Thu N trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Lê Văn N xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B(nay là huyện P), tỉnh Bình Phước vào ngày 17/3/2015. Thời gian chung sống vợ chồng hạnh phúc với nhau được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông N không lo tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình, nghiện đánh bạc, nhiều lần ông N còn lấy tiền của bà đi đánh bạc, thậm chí nhiều lần ông N cầm xe của bà N để lấy tiền đánh bạc, lần cuối ông N cầm xe nhưng bà không có tiền chuộc. Mặc dù bà đã nhiều lần

khuyên nhủ nhưng ông N không thay đổi mà còn đánh chửi bà. Từ nguyên nhân này dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Gần tết năm 2017, bà đã đưa con về sống với bố mẹ đẻ tại thôn Phú Tín, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước còn ông N vẫn ở lại nhà cũ. Bà và ông N đã sống ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Trong suốt thời gian sống ly thân nhau, bà và ông N không liên lạc với nhau qua điện thoại, không gặp gỡ nhau, ông N cũng không đến thăm con mà chỉ suốt ngày chơi cờ bạc. Vợ chồng đều không ai có ý định quay về đoàn tụ. Tình cảm bà giành cho ông N không còn nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

- *Về con chung*: Bà và ông N có với nhau một con chung tên là Lê Quốc A, sinh ngày 26/11/2015. Từ khi vợ chồng ly thân nhau đến nay, con chung do bà N chăm sóc và nuôi dưỡng nên khi ly hôn, bà có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Lê Văn N trình bày:**

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn N không thường xuyên có mặt tại địa phương nên Tòa án không thể tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho ông N. Do đó Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật đối với ông N. Tuy nhiên, ông N không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không lấy được lời khai của ông N.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên cho nguyên đơn bà Lê Thị Thu N được ly hôn với bị đơn ông Lê Văn N. Giao con chung là cháu A – sinh ngày 26/11/2015 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

[1] *Về thẩm quyền giải quyết*: Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn bà Lê Thị Thu N làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Lê Văn N theo quy định tại Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn ông Lê Văn N có nơi cư trú tại thôn Phú Tín, xã P, huyện Phú

Riềng, tỉnh Bình Phước, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Nguyên đơn bà Lê Thị Thu N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Lê Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định nhưng ông N vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà N và ông N theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

* Về nội dung:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lê Thị Thu N và ông Lê Văn N tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Bù Gia Mập (nay là huyện Phú Riềng), tỉnh Bình Phước vào ngày 17/3/2015. Việc kết hôn là đúng quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tại thôn Phú Bình, xã P, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước thể hiện: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ bà N, ông N do ông N không tu chí làm ăn, không có nghề nghiệp ổn định và ông N nghiện cờ bạc. Vợ chồng hay bất hòa cãi vã nhau. Vợ chồng ông N, bà N đã ly thân nhau từ năm 2017 đến nay. Như vậy nội dung Biên bản xác minh ngày 14/10/2017 phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị Thu N.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Lê Văn N để giải quyết vụ án nhưng ông Lê Văn N đều vắng mặt không có lý do. Qua xác minh tại Công an xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước thì ông Lê Văn N có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn P, xã P, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước nhưng hiện nay ông Lê Văn N vắng mặt tại địa phương, đi đâu và làm gì thì ông Lê Văn N không khai báo nên chính quyền địa phương không biết. Tòa án không thể tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho ông Lê Văn N nên đã tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng và triệu tập ông Lê Văn N đến Tòa án giải quyết vụ án ly hôn với bà Lê Thị Thu N nhưng ông Lê Văn N đều vắng mặt không có lý do.

Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng bà N và ông N đã trầm trọng, đời sống vợ chồng thực tế không còn tồn tại từ năm 2017 đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà N với ông N là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Bà N và ông N có 01 con chung là cháu Lê Quốc A – sinh ngày 26/11/2015. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, bà N có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu A cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy từ khi bà N, ông N sống ly thân nhau, cháu A sống với bà N và thực tế bà N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Do đó, cần giao cháu A cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục sau ly

hôn. Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con là phù hợp.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội Đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thu N.

Về quan hệ hôn nhân : Xử cho bà Lê Thị Thu N được ly hôn với ông Lê Văn N

2/ Về con chung: Giao cho bà Lê Thị Thu N trực tiếp nuôi con chung là Lê Quốc A, sinh ngày 26/11/2015. Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, ông N có quyền thăm nom, chăm sóc cháu A, không ai được cản trở ông N thực hiện quyền này. Vì lợi ích mọi mặt của con chung, ông N, bà N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Thu N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Lê Thị Thu N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 027276 ngày 30/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- VKSND H. Phú Riềng;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Phú Riềng;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Hải

